TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SÔNG LÔ** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST
Ngày 31 tháng 5 năm 2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG LÔ,TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Khương Đặng Khánh Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hà

Ông Trương Trung Văn

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diệnViện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Bà Trịnh Hoàng Miên - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Sông Lô xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2023/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023 về: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2023/QĐST - HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Quang H, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Thôn Q, xã Đ, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt);

Bị đơn: Chị Nùng Thị Ánh T, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Khối H, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 15/02/2023, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trần Quang H trình bày: Anh kết hôn với chị Nùng Thị Ánh T ngày 14/9/2007 và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện Lập Thạch (nay là huyện Sông Lô), tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và không bị ai lừa dối, ép buộc kết hôn. Sau khi kết hôn chị T làm việc tại tỉnh Điện Biên nên thường xuyên sinh sống tại tỉnh Điện Biên còn anh thường sinh sống ở xã Đ, huyện Sông Lô. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, và do điều kiện vợ chồng ở xa nhau lâu ngày nên tình cảm nhạt dần, không quan tâm, chăm sóc đến nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 và hai bên không có biện pháp cải thiện tình cảm vợ chồng. Nay anh xác định đời sống chung đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên anh đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho anh được ly hôn chị T.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Hoàng A, sinh ngày 18/01/2009; Trần Ngọc Á, sinh ngày 26/10/2013 và cả hai con đang ở cùng anh. Ly hôn anh đề nghị được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con. Hiện nay anh đang làm tại công ty Cổ phần tư vấn và kiểm định Miền Bắc tại Thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc với mức lương bình quân hàng tháng từ 12.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng nên có đủ điều kiện nuôi con và không đề nghị chị Tuyết phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và các nghĩa vụ dân sự: Anh H không đề nghị Toà án giải quyết.

Bị đơn chị Nùng Thị Ánh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án có quan điểm trình bày: Về thời gian kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn như anh H trình bày là đúng. Chị xác định quá trình vợ chồng chung sống không được hạnh phúc và vợ chồng đã sống ly thân. Do chị không còn tình cảm với anh H nên anh Hào đề nghị giải quyết ly hôn, chị đồng ý .

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như anh H trình bày là đúng. Hiện nay cả hai con đang ở cùng anh H. Ly hôn, chị đồng ý để anh H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con và chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và các nghĩa vụ dân sự: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối

với người tham gia tố tụng thì nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Quang H, cho anh Hào được ly hôn chị T.Về nuôi con: Đề nghị giao cả hai con cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con. Quyền thăm nuôi con không ai được cản trở. Về án phí: Anh H phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh H có đơn xin ly hôn chị T. Chị T có nơi cư trú tại khối H, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên và anh chị có đơn lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Sông Lô là Tòa án giải quyết nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sông Lô theo khoản 1 Điều 28; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Nùng Thị Ánh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Quang H và chị Nùng Thị Ánh T kết hôn ngày 14 tháng 9 năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện Lập Thạch (nay là huyện Sông Lô) là hôn nhân hợp pháp. Anh chị thừa nhận quá trình vợ chồng chung sống không được hạnh phúc do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống. Mâu thuẫn kéo dài vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 và hai bên không có biện pháp cải thiện tình cảm vợ chồng. Anh chị đều xác định không còn tình cảm và đề nghị giải quyết ly hôn. Xét tình trạng hôn nhân giữa anh H và chị T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, việc anh H xin ly hôn chị T là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Quang H được ly hôn chị Nùng Thị Ánh T.

[3] Về nuôi con chung: Anh H và chị T xác nhận vợ chồng có hai con chung là Trần Hoàng A, sinh ngày 18/01/2009; Trần Ngọc Á, sinh ngày 26/10/2013; hiện nay hai con đang ở cùng anh H. Anh H và chị T đều có quan điểm thống nhất để anh H được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con là cháu A và cháu Á. Cả hai cháu đều có nguyện vọng được ở cùng anh H. Xét quan điểm của các đương sự về người trực tiếp nuôi con sau ly hôn là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của các con, phù hợp với quy định pháp luật. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh H, chị T về người trực tiếp nuôi dưỡng con là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H và chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và các nghĩa vụ dân sự: Anh H và chị T không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Trần Quang H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 227, Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Quang H được ly hôn chị Nùng Thị Ánh T.

2. Về nuôi con: Anh Trần Quang H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con là cháu Trần Hoàng A, sinh ngày 18/01/2009; Trần Ngọc Á, sinh ngày 26/10/2013. Hiện nay cả hai con đang ở cùng anh H. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về án phí: Anh Trần Quang H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0002730 ngày 04/4/2023 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Lô. Anh H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Sông Lô;*
- *Chi cục THADS huyện Sông Lô;*
- *UBND xã Đ;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu VP, hồ sơ vụ án.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Khương Đặng Khánh Hằng